TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 42/2020/QĐST-HNGĐ	*Ngũ Hành Sơn, ngày 10 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 29/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà **Huỳnh Thị C**. Sinh năm: 1990
Trú tại: Tổ 13 phường Hòa Q, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng.
*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Đình Anh K**. Sinh năm: 1985
Trú tại: Tổ 49 phường Hòa Q, quận Ngũ Hành S, TP. Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị C với ông Nguyễn Đình Anh K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị C với ông Nguyễn Đình Anh K thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Bà C và ông K thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn, giao ba con chung tên Nguyễn Đình Ngọc T, sinh ngày 09/12/2009, Nguyễn Đình

Ngọc T1, sinh ngày 10/11/2015 và Nguyễn Đình Minh T2, sinh ngày 08/9/2018 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông K tự nguyện cấp dưỡng nuôi ba con mỗi tháng 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày ngày 01/7/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

- Về tài sản chung: Không có;

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 150.000 đồng, bà Huỳnh Thị C tự nguyện chịu.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung 150.000 đồng, bà Huỳnh Thị C tự nguyện chịu, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0009860 ngày 24/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ□ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng (số 67, quyển số 01);
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm